**BÀI TUYÊN TRUYỀN VỀ LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

 Xã hội ngày càng hiện đại, phát triển hơn, nhịp sống trong xã hội ấy dường như năng động và tất bật hơn. Song song với sự thay đổi đó, con người cũng trở nên bận rộn hơn nên đã ít quan tâm những thay đổi trong các bộ luật hay các đạo luật. Mà luật hôn nhân và gia đình là một trong những văn bản đáng được quan tâm. Để bà con nhân dân xã nhà kịp thời nắm bắt những thay đổi ấy. Sau đây sẽ là bài tuyên truyền về những thay đổi trong luật hôn nhân và gia đình.

***Thứ nhất:*** Điều kiện kết hôn.

\* Căn cứ vào điều 8 luật hôn nhân gia đình có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 quy định như sau:

a) Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;

b) Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;

c) Không bị mất năng lực hành vi dân sự;

d) Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 của Luật này.

 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định tuổi kết hôn đối với nữ là từ đủ 18 tuổi trở lên đối nữ và với nam là từ đủ 20 tuổi trở lên. Sở dĩ có việc thay đổi này là vì nếu quy định tuổi kết hôn của nữ là vừa bước qua tuổi 18 như trước đây là không thống nhất với Bộ luật Dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, nếu cho phép người chưa đủ 18 tuổi kết hôn là không hợp lý, thiếu đồng bộ và làm hạn chế một số quyền của người nữ khi xác lập các giao dịch như quyền yêu cầu ly hôn thì phải có người đại diện.

***Thứ hai:*** Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không cấm kết hôn đồng giới nhưng cũng không thừa nhận hôn nhân đồng giới, bỏ quy định "*cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính*" nhưng quy định cụ thể "*không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính*". Như vậy, những người đồng giới tính vẫn có thể kết hôn, tuy nhiên sẽ không được pháp luật bảo vệ khi có tranh chấp xảy ra. Đây là sự nhìn nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính của nhà nước ta trong tình hình xã hội hiện nay.

 ***Thứ ba:*** Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cho phép mang thai hộ: chính thức thừa nhận và cho phép mang thai hộ với mục đích nhân đạo, song phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên và được lập thành văn bản. Theo đó, các cặp vợ chồng vì lý do nào đó không thể tự sinh con có quyền nhờ người mang thai hộ khi có đủ các điều kiện, gồm:

+ Giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về việc người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản;

+ Vợ chồng đang không có con chung;

+ Đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý.

 Luật được thông qua dựa trên nguyên tắc "*người mang thai hộ phải là người thân thích cùng hàng để ngăn ngừa tình trạng thương mại hóa việc mang thai hộ*". Theo đó, người được nhờ mang thai hộ phải có đủ 5 điều kiện:

+ Là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ;

+ Đã từng sinh con và chỉ được mang thai hộ một lần;

+ Ở độ tuổi phù hợp và có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về khả năng mang thai hộ;

+ Trường hợp người phụ nữ mang thai hộ có chồng thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người chồng

+ Đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý.

Việc bổ sung quy định mang thai hộ vì mục đích nhân đạo thể hiện tính nhân văn sâu sắc, đáp ứng nhu cầu làm cha mẹ chính đáng của các cặp vợ chồng mà người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

 Việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên. Tuy nhiên thỏa thuận này lại có ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích của bên nhờ mang thai hộ cũng như bên mang thai hộ. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên và kiểm soát chặt chẽ vấn đề này, Khoản 2 Điều 96 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau: *“Thỏa thuận về việc mang thai hộ phải được lập thành văn bản có công chứng. Trong trường hợp vợ chồng bên nhờ mang thai hộ ủy quyền cho nhau hoặc vợ chồng bên mang thai hộ ủy quyền cho nhau về việc thỏa thuận thì việc ủy quyền phải lập thành văn bản có công chứng. Việc ủy quyền cho người thứ ba không có giá trị pháp lý. Trong trường hợp thỏa thuận về mang thai hộ giữa bên mang thai hộ và bên nhờ mang thai hộ được lập cùng với thỏa thuận giữa họ với cơ sở y tế thực hiện việc sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản thì thỏa thuận này phải có xác nhận của người có thẩm quyền của cơ sở y tế này”.*

Luật hôn nhân và gia đình cũng có một số điều khoản giải quyết các vấn đề phát sinh từ việc mang thai hộ, là việc sinh con do mang thai hộ không tính vào số con của người mang thai hộ theo chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình, giải quyết tranh chấp giữa các bên…

Việc bổ sung quy định mang thai hộ vì mục đích nhân đạo thể thiện tính nhân văn sâu sắc, đáp ứng nhu cầu làm cha làm mẹ chính đáng của các cặp vợ chồng mà người vợ không thể mang thai sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.

***Thứ tư***, chế độ tài sản của vợ chồng: Khi kết hôn, quy định chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận. Luật Hôn nhân và gia đình trước đây quy định chưa rõ ràng về chế độ sở hữu của vợ chồng, thiếu cơ chế công khai minh bạch về tài sản chung, tài sản riêng,chủ yếu đề cập đến vấn đề đất đai, còn các tài sản khác như chứng khoán, tài sản trong doanh nghiệp thì chưa được đề cập tới, gây khó khăn trong quá trình giải quyết tranh chấp. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cụ thể: Việc thỏa thuận phải được lập bằng văn bản có công chứng hoặc chứng thực trước khi kết hôn. Thỏa thuận này vẫn có thể được thay đổi sau khi kết hôn. Quy định này sẽ làm giảm thiểu sự tranh chấp tài sản sau ly hôn của các cặp vợ chồng trong tình hình hiện nay.

***Thứ năm***, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thêm đối tượng được yêu cầu giải quyết ly hôn, bổ sung thêm các đối tượng được yêu cầu giải quyết ly hôn. Theo đó, thay vì chỉ vợ, chồng hoặc cả hai vợ chồng mới có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn như trước đây thì từ ngày 1-1-2015, cha, mẹ, người thân thích khác cũng có thể yêu cầu giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ. Chồng không có quyền ly hôn khi vợ đang có thai, sinh con hoặc nuôi con dưới 12 tháng.

***Thứ sáu***, về áp dụng tập quán trong hôn nhân và gia đình: Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cụ thể việc áp dụng tập quán trong hôn nhân gia đình, theo đó, Điều 7 quy định: "*Trong trường hợp pháp luật không quy định và các bên không có thỏa thuận thì tập quán tốt đẹp thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc, không trái với nguyên tắc quy định tại Điều 2 và không vi phạm điều cấm của Luật này được áp dụng*". Việt Nam là quốc gia đa dân tộc với nhiều tập quán tốt đẹp, đa dạng, phong phú, nội dung quy định tại Điều 7 thể hiện việc tôn trọng những tập quán tốt đẹp, đồng thời cũng làm rõ điều kiện để tập quán được áp dụng, nhấn mạnh việc tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật.

***Thứ bảy***, Trong đời sống hôn nhân, vợ chông sống với nhau vì tình cảm nhưng pháp luật cũng có quy định về những quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong hôn nhân. Các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong hôn nhân có thể chia là 2 nhóm quyền cơ bản là Quyền và nghĩa vụ về nhân thân và quyền và nghĩa vụ về tài sản. Quyền và nghĩa vụ về nhân thân được quy định tại Điều 17, 18,19, 20, 21, 22, 23 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Cụ thể là:

Điều 17. Bình đẳng về quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng: Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình, trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân được quy định trong Hiến pháp, Luật này và các luật khác có liên quan.

Điều 18. Bảo vệ quyền, nghĩa vụ về nhân thân của vợ, chồng: Quyền, nghĩa vụ về nhân thân của vợ, chồng quy định tại Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan được tôn trọng và bảo vệ.

Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Điều 20. Lựa chọn nơi cư trú của vợ chồng: Việc lựa chọn nơi cư trú của vợ chồng do vợ chồng thỏa thuận, không bị ràng buộc bởi phong tục, tập quán, địa giới hành chính.

Điều 21. Tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của vợ, chồng: Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau.

Điều 22. Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của vợ, chồng: Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau.

Điều 23. Quyền, nghĩa vụ về học tập, làm việc, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội: Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ tạo điều kiện, giúp đỡ nhau chọn nghề nghiệp; học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng trong hôn nhân được quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Cụ thể: Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm; Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; Nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình; Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra mà theo quy định của Bộ luật dân sự thì cha mẹ phải bồi thường; Nghĩa vụ khác theo quy định của các luật có liên quan.